

Bản án số: 211/2025/DS-ST
Ngày: 22-9-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thúy Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Tạ Kỳ Trung
- Ông Nguyễn Văn An

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Bảo Việt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Lưỡng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Phạm Thị Hồng V, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp M, xã B, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt)

Bị đơn: bà Phạm Thị Kim C, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp T, xã B, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Phạm Thị Hồng V trình bày:

Do quen biết nên bà nhiều lần cho bà Phạm Thị Kim C vay tiền, cụ thể:

- Ngày 13/10/2021 vay số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất thể hiện

5%/tháng, khi vay không có thời hạn, nếu cần tiền bà sẽ báo trước cho bà C 1 tháng.

2. Ngày 12/11/2021 vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi suất thể hiện 7%/tháng, khi vay không có thời hạn, nếu cần tiền bà sẽ báo trước cho bà C 1 tháng.

3. Ngày 23/5/2022 vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất thể hiện 7%/tháng, thời hạn vay là 1 tháng.

4. Ngày 15/8/2022 vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất thể hiện 7%/tháng, khi vay không có thời hạn, nếu cần tiền bà sẽ báo trước cho bà C 1 tháng.

Tổng cộng số tiền đã cho vay là 140.000.000 đồng, khi vay có làm giấy nợ, chữ viết trong giấy nợ là của bà C, bà không nhận thế chấp hay giữ giấy tờ gì của bà C. Bà chỉ cho một mình bà C vay tiền, không liên quan đến chồng của bà C.

Bà nhận tiền lãi thông qua chuyển khoản, từ tài khoản của bà C (không nhớ số tài khoản) đến tài khoản của bà tại Ngân hàng Q (V) số thuê bao 0917543843, thời gian trả tiền lãi từ khi vay đến tháng 3 năm 2023 thì ngưng. Bà có làm thủ tục sao kê thông tin chuyển khoản ở Ngân hàng. Theo thông tin sao kê Ngân hàng cung cấp thì tổng số tiền có nội dung tên C chuyển cho bà là 87.100.000 đồng. Tuy nhiên, bà có tự theo dõi việc trả lãi, bà xác định tiền lãi đã nhận là 104.800.000 đồng, không phải 87.100.000 đồng, cụ thể:

- Khoản vay 40.000.000 đồng tôi nhận tiền lãi 17 tháng (từ tháng 11 năm 2021 đến tháng 3 năm 2023) được số tiền 32.000.000 đồng;

- Khoản vay 30.000.000 đồng tôi nhận tiền lãi 16 tháng (từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 3 năm 2023) được số tiền 32.000.000 đồng;

- Khoản vay 50.000.000 đồng tôi nhận tiền lãi 9 tháng (từ tháng 6 năm 2022 đến tháng 02 năm 2023) được số tiền 31.500.000 đồng;

- Khoản vay 20.000.000 đồng tôi nhận tiền lãi 7 tháng (từ tháng 9 năm 2022 đến tháng 3 năm 2023) được số tiền 9.800.000 đồng.

Nay bà yêu cầu tính lại tiền lãi theo quy định của từng khoản vay, từ ngày vay đến tháng 3 năm 2023, khấu trừ số tiền lãi đã nhận, còn dư bao nhiêu trừ

vào tiền nợ gốc. Tổng cộng tiền lãi theo quy định với mức lãi suất 1,66%/tháng từ ngày vay đến tháng 3 năm 2023 là: 29.880.000 đồng. Khấu trừ tiền lãi đã nhận 104.800.000 đồng - 29.880.000 đồng = 74.920.000 đồng. Khấu trừ vào nợ gốc: 140.000.000 đồng - 74.920.000 đồng = 65.080.000 đồng.

Bà Yêu cầu trả số tiền gốc 65.080.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật với mức lãi suất 1,66%/tháng từ tháng 4 năm 2023 đến khi giải quyết xong vụ án (tiền lãi tính tròn tháng). Bà chỉ yêu cầu một mình bà C trả nợ, chồng bà C không liên quan đến khoản nợ này.

Bà Phạm Thị Kim C không đến Tòa án, không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: căn cứ Điều khoản 1 Điều 119, 166, 357, 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật dân sự 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng V đối với bà Phạm Thị Kim C. Buộc bà Phạm Thị Kim C có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Hồng V số tiền đã vay là 65.080.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng tính từ tháng 4/2023 đến ngày Tòa án xét xử.

Về án phí: bà Phạm Thị Kim C phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà Phạm Thị Hồng V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà Phạm Thị Kim C đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng không đến Tòa án, căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Bà V khởi kiện đã cung cấp chứng cứ là 04 Giấy nợ có nội dung bà C ký tên mượn số tiền tổng cộng là 140.000.000 đồng vào các ngày 13/10/2021, ngày 12/11/2021, ngày 23/5/2022 và ngày 15/8/2022. Khi vay có thỏa thuận lãi suất 5% và 7%/tháng, trong 4 khoản vay chỉ có khoản vay ngày 23/5/2022 thể hiện thời hạn vay là 01 tháng. Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, nếu bị đơn có phản đối yêu cầu của người khác đối với mình thì phải thể hiện bằng văn bản và phải cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó, từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử bà C đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập nhưng không đến Tòa án nên vụ án được giải quyết theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ. Như vậy, có cơ sở xác định việc vay số tiền 140.000.000 đồng là có thật, đây là các hợp đồng vay không kỳ hạn, có lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015. Riêng khoản vay ngày 23/5/2022 là hợp đồng có ký hạn, có lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015.

[3] Xác định lại số tiền nợ gốc: bà V trình bày đã nhận tiền lãi từ ngày vay cho đến tháng 3 năm 2023 tổng cộng là 104.800.000 đồng là có lợi cho bà C so với nội dung sao kê tài khoản. Bà V chấp nhận tính lại tiền lãi theo quy định với mức lãi suất 1,66%/tháng (tính tròn tháng), phần còn dư khấu trừ vào nợ gốc là phù hợp quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Tiền lãi của các khoản vay được tính lại theo quy định pháp luật như sau:

- Khoản vay ngày 13/10/2021 số tiền 40.000.000 đồng: tiền lãi tính từ tháng 11 năm 2021 đến tháng 3 năm 2023: $40.000.000 \text{ đồng} \times 17 \text{ tháng} \times 1,66\%/\text{tháng} = 11.288.000 \text{ đồng};$

- Khoản vay ngày 12/11/2021 số tiền 30.000.000 đồng: tiền lãi tính từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 3 năm 2023: $30.000.000 \text{ đồng} \times 16 \text{ tháng} \times 1,66\%/\text{tháng} = 7.968.000 \text{ đồng};$

- Khoản vay ngày 23/5/2022 số tiền 50.000.000 đồng: tiền lãi tính từ tháng 6 năm 2022 đến tháng 3 năm 2023: $50.000.000 \text{ đồng} \times 10 \text{ tháng} \times 1,66\%/\text{tháng} = 8.300.000 \text{ đồng};$

- Khoản vay ngày 15/8/2022 số tiền 20.000.000 đồng: tiền lãi tính từ tháng 9 năm 2022 đến tháng 3 năm 2023: $20.000.000 \text{ đồng} \times 7 \text{ tháng} \times 1,66\%/\text{tháng} = 2.324.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tiền lãi theo quy định từ ngày vay đến tháng 3 năm 2023 là: 29.880.000 đồng.

[4] Do số tiền lãi đã đóng cao hơn mức lãi suất quy định nên mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực, số tiền lãi đã trả vượt quá được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi theo quy định tại Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cụ thể: $104.800.000 \text{ đồng} - 29.880.000 \text{ đồng} = 74.920.000 \text{ đồng}$. Khấu trừ vào nợ gốc: $140.000.000 \text{ đồng} - 74.920.000 \text{ đồng} = 65.080.000 \text{ đồng}$. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu trả nợ gốc số tiền 65.080.000 đồng theo yêu cầu của bà V.

[5] Về lãi suất: bà V yêu cầu tiếp tục trả tiền lãi từ tháng 4 năm 2023 đến khi giải quyết xong vụ án (tính tròn tháng) với mức lãi suất 1,66%/tháng trên số tiền 65.080.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tiền lãi được tính như sau: $65.080.000 \text{ đồng} \times 1,66\%/\text{tháng} \times 30 \text{ tháng} = 32.409.000 \text{ đồng}$. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Tây Ninh là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Bà Phạm Thị Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là $97.489.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.874.000 \text{ đồng}$ (bốn triệu tám trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Bà Phạm Thị Hồng V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu 0012720 ngày 14/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12, thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 91, Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 463, 465, 466, 468, khoản 2 Điều 469, khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự 2015;

Nghị quyết 01/2019/HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của bà Phạm Thị Hồng V đối với bà Phạm Thị Kim C.

Buộc bà Phạm Thị Kim C có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Hồng V số tiền tổng cộng là 97.489.000 (chín mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 65.080.000 đồng, tiền lãi là 32.409.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Phạm Thị Kim C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 4.874.000 đồng (bốn triệu tám trăm bảy mươi bốn nghìn đồng).

Bà Phạm Thị Hồng V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu 0012720 ngày 14/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12, thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh).

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Đường sự;
- Lưu.